

Bản án số: 372/2021/HS-PT  
Ngày 01 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:*

Ông Chung Văn Kết.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 413/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo:* Lê Văn T (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh năm: 1993, tại: Tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký thường trú: Số 8 đường D2, KDC Tân Đông H, 932 ĐT743A, khu phố Đông C, phường Tân Đông H, thành phố A, tỉnh Bình Dương; chỗ ở trước khi bắt: Nhà không số, đường D3, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm: 1958 và bà Trương Thị V, sinh năm: 1960; bị cáo chưa có vợ, con, tiền sự: không. Tiền án: Tại Bản án số 43/2017/HSST ngày 18/9/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến tháng 9/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 12/5/2020 (có mặt tại phiên tòa).

**- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Ông Nguyễn Quang T - Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn TLT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 12/5/2020, tại khu vực bãi xe khách sạn A, Số Y An Dương Vương, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát

điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T phối hợp Công an phường L, quận T phát hiện bắt quả tang Lê Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi màu đen mà T đang đeo trên người có 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 985,29 gam loại Methamphetamine. Ngoài ra, thu giữ trên người T có 01 khẩu súng ngắn màu đen, loại súng CZ 75P-07 Duty cùng 01 hộp tiếp đạn bên trong có 10 viên đạn, qua giám định thuộc nhóm vũ khí quân dụng. Kết quả giám định chất ma túy và giám định vũ khí được thể hiện tại Bản Kết luận giám định số 807/KLGD-H ngày 20/5/2020 và Bản Kết luận giám định số 985/KLGD-TT ngày 15/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm bắt quả tang còn có đối tượng Hoàng Quốc K (sinh năm: 1996; đăng ký thường trú tại 38/3 khu phố 2, phường P, thành phố N, tỉnh Bình Dương) đi cùng với T và đang chờ T ở quán cà phê gần khách sạn A.

Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra Phòng 201 và Phòng 303, Khách sạn A không phát hiện thu giữ gì liên quan đến ma túy. Đối với 01 khẩu súng loại súng CZ 75 P-07 Duty cùng 01 hộp tiếp đạn bên trong có 10 viên đạn nêu trên, T khai do H (không rõ lai lịch) gửi cho T giữ dùm, ngày 12/5/2020, T mang theo súng và đạn mục đích để phòng thân.

Cùng ngày, Cơ quan Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp các chỗ ở của Lê Văn T, gồm: nhà không số, đường D3, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương và phòng không số thuộc nhà trọ số 44 đường D1 khu Đô thị Thương mại Dịch vụ Sóng Thần, khu phố Thống Nhất 1, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương, tuy nhiên không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến ma túy. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Quốc K tại số 38/3 khu phố 2, phường P, thành phố N, tỉnh Bình Dương, phát hiện thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, khối lượng 1,1697 gam, qua giám định không tìm thấy ma túy.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận: Lê Văn T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng tháng 4/2020, T quen Đ (không rõ lai lịch) và biết Đ có mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 5/2020 Đ thuê T đi mua ma túy giùm Đ để bán lại cho người khác và chưa thống nhất tiền công, T đồng ý. Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 12/5/2020, Đ gọi điện cho T nhờ mua 01kg ma túy. T gọi điện thoại cho B (không rõ lai lịch) đặt mua 01kg ma túy với giá 240.000.000 đồng, thỏa thuận giao dịch tại khách sạn A, Số Y An Dương Vương, phường L, quận T. Sau đó, T rủ Hoàng Quốc K đi cùng, khi đi T mang theo 01 khẩu súng CZ 75 P-07 Duty cùng 01 hộp tiếp đạn bên trong có 10 viên đạn. Khi đi đến khách sạn A, K đợi T ở quán cà phê gần khách sạn, còn T đi vào thuê phòng 303 rồi đi lên phòng, khi đang đi thì B gọi nói T gặp lễ tân khách sạn lấy chìa khóa phòng 201 mà Hậu (không rõ lai lịch) thuê sẵn. Sau khi lên tới phòng 201 T gọi cho B và được B hướng dẫn lấy ma túy ở sau tủ quần áo trong phòng, T lấy ma túy bỏ vào túi đeo trên người và đi về. Khi bị cáo ra tới bãi xe của khách sạn A thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ số ma túy cùng số vũ khí nêu trên.

Đối với Hoàng Quốc K, T khai chỉ là bạn bè và được T rủ đi cùng, K không biết và không liên quan đến hành vi mua bán ma túy và cất giữ vũ khí của T. Lời khai của T phù hợp với lời khai của K. Xét nghiệm K dương tính với ma túy, nên Cơ quan điều tra đã chuyển giao K về địa phương lập hồ sơ xử lý hành chính theo Quyết

định số 0029010/QĐ-XPHC ngày 18/5/2020 của Công an phường L, quận T. Đối với các đối tượng tên Đ, B, Hoàng và Hậu do T khai không rõ lại lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 117/CTr-VKS-P1 ngày 22/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lê Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 183/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T: Tử hình, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 02 (hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là Tử hình.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn Quyết định về hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật và quyền gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước.

- Ngày 20/5/2021 bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo Lê Văn T khai bị cáo chỉ đi nhận dùm ma túy cho Đ chứ bị cáo không mua bán ma túy nên đề nghị xem xét lại tội danh mua bán trái phép chất ma túy vì bị cáo chỉ phạm tội tàng trữ ma túy và xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với tội danh và hình phạt tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng thì bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm: Mặc dù tại phiên tòa bị cáo cho rằng bị cáo không biết đối tượng Đ mua bán ma túy và bị cáo chỉ là người nhận ma túy dùm Đ. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi lời khai của bị cáo, biên bản phiên tòa sơ thẩm, có thể xác định ý thức của bị cáo biết về việc mua bán ma túy, nên việc Tòa sơ thẩm xét xử và đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” là đúng người, đúng tội. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới. Đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ có căn cứ duy nhất lời khai của bị cáo mà không có các chứng cứ khác, cơ quan điều tra không xác minh được B và Đ là ai? Lời khai của bị cáo ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm không thống nhất, nên áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội thì phải áp dụng lời khai có lợi cho bị cáo. Hơn nữa bị cáo và Đ đều là người nghiện, nên việc nhận ma túy về để mua bán, để sử dụng hay chia sẻ cho ai đó chưa được làm rõ, nên đề nghị áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo. Bị cáo có thừa nhận hành vi của mình, nhưng việc xác

định bị cáo có phạm tội mua bán trái phép chất ma túy hay không là ngoài tầm khả năng của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận ngày 12/5/2020, bị cáo Lê Văn T mang trong người 01 khẩu súng ngắn quân dụng cùng 01 hộp tiếp đạn bên trong có 10 viên đạn đi đến khách sạn A Số Y An Dương Vương, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận 985,29 gam loại Methamphetamine để mang về cho tên Đ (không rõ lai lịch) là đối tượng mua bán ma túy, thì bị bắt quả tang. Do đó Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo xác định trong quá trình điều tra bị cáo không bị mớm cung, nhục hình. Các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai rõ là bị cáo quen biết trước với đối tượng Đ và biết Đ có mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 5/2020 Đ thuê bị cáo đi mua ma túy giùm Đ để bán lại cho người khác, nên việc bị cáo và người bào chữa cho bị cáo nại ra tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay rằng bị cáo không biết đối tượng Đ mua bán ma túy là không có cơ sở.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã gây tác hại rất xấu đến trật tự trị an, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo phạm tội với số lượng ma túy rất lớn, vượt xa mức định lượng định khung hình phạt. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt loại trừ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để giảm hình phạt theo yêu cầu kháng cáo bị cáo và lời đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác đơn kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 40; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 02 (hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là Tử hình.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 12/5/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm B thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung công quỹ nhà nước.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Lê Văn T được gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh (Trại tạm giam Công an Tp. Hồ Chí Minh tổng đặt cho bị cáo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hồng**